

Bản án số: 71/2026/HS-ST

Ngày 21 - 7 - 2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Huy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Hữu Duy;

2. Ông Lê Hồng Quân.

- Thư ký phiên tòa tại điểm cầu trung tâm: Ông Nguyễn Đức Anh - Thư ký
Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thanh Hóa.

Thư ký phiên tòa tại điểm cầu thành phần: Bà Nguyễn Thị N - Thư ký Tòa án
nhân dân khu vực 9 - Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa tại điểm cầu trung tâm: Bà
Nguyễn Thị Hoa - Kiểm sát viên VKSND khu vực 9 - Thanh Hóa

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa tại điểm cầu thành phần: Bà
Nguyễn Thị N1 - Kiểm sát viên VKSND khu vực 9 - Thanh Hóa

Ngày 21 tháng 7 năm 2026, tại điểm cầu trung tâm đặt tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thanh Hóa và điểm cầu thành phần đặt tại Trụ sở Phân trại Tạm giam N - Công an tỉnh T, xét xử trực tuyến, sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 67/2026/TLST- HS ngày 26 tháng 6 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1023/2026/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 7 năm 2026, đối với các bị cáo:

1. Mai Hưng T; sinh ngày 06/5/1992, tại phường N, tỉnh Thanh Hóa

Nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường N, tỉnh Thanh Hóa.

Số CCCD: 038092020365

Nghề nghiệp: Đánh cá; trình độ văn hóa: Lớp 3/12;

Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Mai Hưng S và bà Hoàng Thị T1;

Có vợ là Nguyễn Thị T2 và 02 con

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 14/02/2012, bị Toà án nhân dân huyện Tĩnh Gia (cũ) xử phạt 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, về tội “Trộm cắp tài sản”; chấp hành xong bản án ngày 02/5/2014.

- Ngày 12/3/2017 bị Công an thành phố B cũ, tỉnh Đồng Nai phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/02/2026, hiện đang bị tạm giam tại phân trại tạm giam công an N3.

Có mặt tại phiên tòa.

2. Bùi Văn H; sinh ngày 20/5/1989, tại phường N, tỉnh Thanh Hóa

Nơi cư trú: Tổ dân phố H (TDP H cũ), phường N, tỉnh Thanh Hóa.

Số CCCD: 038089028919

Nghề nghiệp: Đánh cá; Trình độ văn hóa: Không biết chữ;

Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Bùi Văn S1 (đã chết) và bà Trần Thị N2;

Có vợ là Cao Thị D và 03 con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2022.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Ngày 22/3/2022, bị Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xử phạt 05 năm tù, về tội “Giết người”. Ngày 01/10/2024 H chấp hành xong bản án.

Nhân thân: Ngày 14/10/2020 bị UBND xã H (*nay là UBND phường N*) phạt vi phạm hành chính về hành vi “*Xâm hại sức khoẻ của người khác*” theo Quyết định số 160/QĐ-XLVPHC.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/02/2026, hiện đang bị tạm giam tại phân trại tạm giam công an N3.

Có mặt tại phiên tòa.

3. Mai Văn P; sinh ngày 10/01/1998, tại phường N, tỉnh Thanh Hóa

Nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường N, tỉnh Thanh Hóa.

Số CCCD: 038098010671

Nghề nghiệp: Đánh cá; trình độ văn hóa: Lớp 7/12;

Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Mai Văn S2 và bà Mai Thị L;

Có vợ là Mai Bảo Y và 02 con

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 28/02/2020 bị Công an huyện T (cũ) phạt vi phạm hành chính về hành vi “Xâm hại sức khoẻ người khác” theo Quyết định số 0066161/QĐ-XPHC”.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/02/2026, hiện đang bị tạm giam tại phân trại tạm giam công an N3.

Có mặt tại phiên tòa.

* *Người bào chữa cho Mai Văn P:* Bà Lê Thu H1 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T.

Có mặt.

* *Người làm chứng:*

- Anh Vũ Đức V, sinh năm 1999

Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường N, tỉnh Thanh Hóa
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 10/02/2026, Mai Hưng T đến nhà Mai Văn P chơi tại tổ dân phố H, phường N, tỉnh Thanh Hóa. Tại đây, T đã khởi xướng, rủ P tìm mua 500.000 đồng ma túy đá để cùng sử dụng và đưa cho P số tiền trên. P đồng ý và tự mình đi mua ma túy. Trong quá trình đi mua ma túy, P liên lạc rủ Bùi Văn H tham gia sử dụng ma túy chung tại nhà của H tại tổ dân phố H, phường N và được H đồng ý. P cũng liên lạc bảo T đến nhà H để chờ. Sau khi mua được ma túy đá (được gói trong một tờ giấy bạc, bên trong có 01 túi nilon dạng zip), Sau khi mua được ma túy, P điện thoại cho T bảo T đến nhà H. Khi P mang ma túy về đến nhà H thì thấy T và H đang chờ sẵn. H chủ động đi ra hộc cây cột điện trước cổng nhà lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá (gồm 01 nắp chai nhựa màu vàng đục hai lỗ, ống thủy tinh hình bầu dục/cóng, ống hút nhựa và 04 đoạn ống nhựa màu xanh) do H cất giấu từ trước. Đồng thời, H ra thùng rác đầu ngõ lấy thêm 01 vỏ chai nước ngọt nhãn hiệu Number one, đổ nước vào và lắp ráp hoàn chỉnh thành bộ dụng cụ sử dụng ma túy mang vào phòng khách.

Tại đây, P đưa túi ma túy đá vừa mua cho H. H dùng ống hút xúc ma túy bỏ vào cóng thủy tinh, dùng bật lửa đốt cho ma túy tan chảy rồi tự mình hút khói ma túy trước. Sau đó, H tiếp tục châm lửa đốt ma túy cho P và T thay nhau sử dụng nhiều lượt cho đến khi hết. Sau khi sử dụng xong, T và P đi về. Hậu thu dọn, mang ống thủy tinh, nắp nhựa và 04 ống nhựa ra cây cột điện trước cổng cất giấu; riêng vỏ chai nhựa và vỏ túi zip nilon thì vứt vào thùng rác trước nhà.

Ngày 13/02/2026, tổ công tác Công an phường N3 tiến hành kiểm tra, xét nghiệm chất ma túy trong nước tiểu đối với Bùi Văn H, Mai Văn P và Mai Hưng T. Kết quả cả 03 đối tượng đều dương tính với chất ma túy loại Methamphetamine. Tiến hành khám xét chỗ ở của Bùi Văn H, Cơ quan điều tra đã phát hiện và thu giữ toàn bộ bộ dụng cụ sử dụng ma túy nêu trên.

Về nguồn gốc số ma túy: Quá trình điều tra, Mai Văn P khai: Sau khi nhận tiền của T, P trực tiếp đến gặp Vũ Đức V tại tổ dân phố H, phường N, đưa cho V 500.000 đồng để nhờ mua ma túy. Sau khi nhận được tiền, V hẹn sau khi có ma túy sẽ liên lạc. Sau đó, V nhắn tin cho P qua M bảo P đến nhận ma túy tại vị trí cây cột điện gần khu vực chợ H2 (cũ). P đến điểm hẹn lấy được 01 gói giấy bạc, bên trong có 01 túi nilon dạng zip chứa ma túy đá, P mang ma túy về để cùng sử dụng với T và H. Tuy nhiên, Vũ Đức V không thừa nhận đã bán ma túy cho P. Cơ quan CSĐT đã áp dụng nhiều biện pháp nghiệp vụ để điều tra hành vi của V, nhưng ngoài lời

khai của P không có tài liệu chứng cứ nào khác chứng minh V có bán ma túy cho P nên Cơ quan điều tra chưa đủ căn cứ xử lý và đã tách tài liệu liên quan đến Vũ Đức V để tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

Tại Bản kết luận giám định số 1151/KL-KTHS, ngày 14/02/2026 Phòng K Công an tỉnh T, kết luận:

"- Tìm thấy chất ma túy, loại Methamphetamine bám dính bên trong 04 ống nhựa màu xanh có độ dài ngắn khác nhau, trên nắp chai nhựa màu vàng và bên trong ống thủy tinh màu trắng của phong bì ký hiệu K1 gửi giám định. Không xác định được khối lượng chất ma túy;

- Tìm thấy chất ma túy, loại Methamphetamine trong mẫu nước tiểu ghi thu của Bùi Văn H, Mai Hưng T, Mai Văn P giám định".

Tại Bản kết luận giám định số 2651/KL-KTHS, ngày 05/06/2026 Phòng K Công an tỉnh T, kết luận: *"Không phục hồi, trích xuất được dữ liệu trong điện thoại di động (thu giữ của Mai Văn P) gửi giám định - Do điện thoại không nhận kết nối đến máy tính".*

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ thu thập được, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Mai Hưng T, Mai Văn P và Bùi Văn H về hành vi “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

Về vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T đã tạm giữ các vật chứng sau:

- Thu giữ của Mai Văn P: 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Realme màu xanh, Kết quả giám định không phục hồi, trích xuất được dữ liệu trong điện thoại).

- Thu giữ của Mai Hưng T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Readmi A1, màu xanh đen, gắn sim số 0357.539.492 (kết quả kiểm tra đã được chụp ảnh lưu trong hồ sơ vụ án).

- Thu giữ của Bùi Văn H: 04 ống nhựa màu xanh, độ dài ngắn khác nhau; 01 nắp nhựa màu vàng, trên nắp đục hai lỗ hình tròn; 01 ống thủy tinh màu trắng, đầu ống có hình bầu dục; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO, màu đen (kết quả kiểm tra đã được chụp ảnh lưu trong hồ sơ vụ án).

Các vật chứng trên hiện đang được bảo quản tại Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 9 - Thanh Hóa, chờ xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 22/CT-VKSTHA-KV ngày 25/6/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thanh Hoá đã truy tố bị cáo Bùi Văn Hậu về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b, điểm h khoản 2 Điều 255; truy tố các bị cáo Mai Hưng T và Mai Văn P về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà Kiểm sát viên tham gia phiên toà giữ nguyên quan điểm đã truy tố về tội danh và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, Điều 51; Điều 38; Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt Mai Hưng T từ 08 năm đến 08 năm 03 tháng tù.

Xử phạt Mai Văn P từ 07 năm 03 tháng đến 07 năm 09 tháng tù.

- Áp dụng: Điểm b, điểm h khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, Điều 51; Điều 38; Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt Bùi Văn H từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm tù.

- *Về hình phạt bổ sung*: Đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

- *Về vật chứng*: + Đề nghị tịch thu, tiêu hủy 04 ống nhựa màu xanh, 01 nắp nhựa màu vàng và 01 ống thủy tinh màu trắng là bộ dụng cụ các bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội;

+ Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước các điện thoại di động bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội.

- Về án phí: Đề nghị miễn án phí HSST cho Mai Văn P; buộc các bị cáo Mai Hưng T, Bùi Văn H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà: Bị cáo thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu.

Phân tranh luận:

* Người bào chữa cho Mai Văn P phát biểu tranh luận: Về hành vi phạm tội, tội danh và khung, khoản điều luật áp dụng đối với bị cáo Mai Văn P đại diện Viện kiểm sát đã truy tố, luận tội là đúng theo quy định của pháp luật nên thống nhất, không tranh luận. Tuy nhiên, về mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo P là quá cao. Bởi vì, hoàn cảnh của bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo; bản thân P đang nuôi 02 con nhỏ, vợ P không có công việc và thu nhập ổn định, hành vi phạm tội của P là nhất thời bột phát. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phạt P mức án dưới mức đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát; đồng thời đề nghị miễn hình phạt bổ sung và miễn án phí cho Mai Văn P.

* Đại diện Viện kiểm sát đối đáp: Mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo Mai Văn P là đúng quy định của pháp luật. Bởi vì, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, khung hình phạt áp dụng đối với bị cáo là từ 07 năm đến 15 năm tù. Khi đề nghị áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo P, Viện kiểm sát đã xem xét đến vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo; xem xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và các tình tiết khác có liên quan đến vụ án để đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo Mai Văn P như trên là phù hợp với quy định của pháp luật, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm, đề nghị HĐXX xem xét, quyết định.

Nói lời sau cùng, Các bị cáo đều xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thanh Hóa và của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều được coi là đúng pháp luật.

[2] Tại phiên tòa Các bị cáo đều đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời trình bày của các bị cáo phù hợp với lời khai tại giai đoạn điều tra, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xác minh tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở để khẳng định: Xuất phát từ nhu cầu sử dụng ma túy trái phép nên ngày 10/02/2026, Mai Hưng T đã đưa cho Mai Văn P số tiền 500.000 đồng để P mua ma túy về sử dụng. Sau khi mua được ma túy, P đem về nhà Bùi Văn H ở tổ dân phố H, phường N, tỉnh Thanh Hóa. Tại đây, H đã lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy đã cất giấu từ trước và H, T và P đã cùng nhau tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Hành vi của Mai Hưng T, Mai Văn P và Bùi Văn H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thanh Hóa truy tố bị cáo Mai Hưng T và Mai Văn P về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự; truy tố Bùi Văn H về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b, điểm h khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn chính xác.

[3] *Về trách nhiệm pháp lý của anh người có liên quan:* Trong vụ án này, ngoài lời khai của Mai Văn P, không có tài liệu chứng cứ nào khác chứng minh anh V có bán ma túy cho P nên Cơ quan điều tra chưa đủ căn cứ xử lý và đã tách tài liệu liên quan đến Vũ Đức V để tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

[4] *Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, Hội đồng xét xử thấy rằng:* Bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự; biết rõ ma túy có tác hại nhiều mặt đến đời sống xã hội, người nghiện ma túy ngày càng ốm yếu, suy kiệt sức khỏe, tinh thần và cũng là nguyên nhân dẫn đến các loại tội phạm khác. Nhà nước đã có nhiều biện pháp tuyên truyền giáo dục nhằm ngăn chặn hoạt động liên quan đến tội phạm ma túy; các bị cáo nhận thức rõ nhưng vẫn thực hiện hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, là hành vi nguy hiểm cho xã hội, làm hưởng đến trật tự trị an trên địa bàn, gây hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân. Vì vậy cần xử lý nhanh chóng kịp thời để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] *Xét vai trò thực hiện tội phạm*, vụ án có nhiều đồng phạm cùng tham gia thực hiện tội phạm nhưng không có sự phân công vai trò hoặc bàn bạc, cấu kết chặt chẽ nên không thuộc trường hợp “phạm tội có tổ chức” mà chỉ là đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên xét về tính chất hành vi cụ thể và vai trò của các bị cáo trong vụ án, thấy rằng: Mai Hưng T là người khởi xướng, cung cấp tiền để Mai Văn P đi mua ma túy; Bùi Văn H là người sử dụng nơi ở và chuẩn bị công cụ để các bị cáo cùng nhau sử dụng trái phép chất ma túy; Mai Văn P tham gia tích cực trong việc tìm mua ma túy. Vì vậy, vai trò tội phạm của các bị cáo lần lượt từ cao xuống thấp là Mai Hưng T, Bùi Văn H, Mai Văn P.

[6] *Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo*, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Việc Bùi Văn H đã phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý, chưa được xoá án tích nay lại tiếp tục phạm tội rất nghiêm trọng nên thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm”, là tình tiết định khung hình phạt theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự nên không coi là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo đều thành khẩn khai báo nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Về nhân thân: Bị cáo đều không có nhân thân tốt, thể hiện: trước thời điểm phạm tội lần này, các bị cáo Mai Hưng T, Bùi Văn H đã bị kết án về hành vi phạm tội của mình; Mai Văn P đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “xâm hại sức khỏe người khác”.

[7] *Căn cứ vào tính chất mức độ hành vi*, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của từng bị cáo; Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải xử phạt tù có thời hạn để cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ điều kiện giáo dục các bị cáo thành người lương thiện.

[8] *Về hình phạt bổ sung*: Mục đích phạm tội của các bị cáo là nhằm hưởng thụ cá nhân, không nhằm mục đích lợi nhuận; bản thân các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn, không thể tự lao động kiếm tiền trong thời gian chấp hành án. Nếu áp dụng hình phạt bổ sung thì các bị cáo sẽ khó có điều kiện chấp hành hình phạt bổ sung. Nghĩ nên miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo là phù hợp.

[9] *Về phần vật chứng*: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự cần xử lý vật chứng của vụ án như sau:

- Các đồ vật là công cụ phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- 03 điện thoại di động, Các bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội nên tịch thu, nộp vào ngân sách Nhà nước.

[10] *Về án phí*: Bị cáo Mai Hưng T và Bùi Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo Mai Văn P thuộc hộ cận nghèo nên được

miễn án phí quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

[11] *Về quyền kháng cáo, kháng nghị*: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa có quyền kháng nghị bản án theo quy định tại các Điều 331; 333; 336; 337 của bộ luật Tố tụng Hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo **Mai Hưng T, Bùi Văn H, Mai Văn P** phạm tội “**Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy**”.

- **Áp dụng:** Điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Mai Hưng T 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (14/02/2026).

Xử phạt bị cáo **Mai Văn P 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (14/02/2026).

- **Áp dụng:** Điểm b, điểm h khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo **Bùi Văn H 09 (chín) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (14/02/2026).

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Về phần vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và các điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, tuyên:

- Tịch thu, tiêu hủy 04 ống nhựa màu xanh, 01 nắp nhựa màu vàng và 01 ống thủy tinh màu trắng là bộ dụng cụ các bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội.

- Tịch thu, nộp vào ngân sách Nhà nước các điện thoại di động các bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội, bao gồm: 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Realme màu xanh của Mai Văn P; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Readmi A1, màu xanh đen, gắn sim số 0357.539.492 của Mai Hưng T; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO, màu đen của Bùi Văn H.

Các vật chứng trên hiện đang được lưu giữ tại Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 9 - Thanh Hóa theo Biên bản giao nhận vật chứng số: 61/2026/KV9 ngày 26/6/2026 của Điều tra viên Công an tỉnh T và Đại diện Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 9 - Thanh Hóa.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Mai Văn P; buộc Mai Hưng T và Bùi Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Áp dụng các Điều 331; 333; 336; 337 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, tuyên: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 9;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Phòng THADS khu vực 9 - Thanh Hoá;
- Phòng giám đốc án TA tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ vụ án.



Lê Đình Huy